

PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ MÔN THỨ HAI MƯƠI LĂM

Hai phẩm trên là nói về khổ hạnh mở rộng kinh có nghiệp công đức và nghiệp trí tuệ, có phẩm Dược vương và phẩm Diệu Âm. Nay nói phần hộ nạn mở rộng kinh. Ban đầu nói người hộ nạn mở rộng kinh, sau nói pháp hộ nạn mở rộng kinh cũng gồm có hai phẩm. Lại theo thứ lớp căn duyên, trên hội Linh Sơn có tám muôn bốn ngàn người hợp nghe phẩm Quán Âm mà phát tâm Bồ-đề cho nên nói phẩm này, cõi nước mười phương và chúng sanh có duyên ở đời sau được lợi ích nên nói phẩm này. Phẩm này chia chương đoạn không đều nhau, nay phân thành bốn cặp: nêu lên, giải thích, khen ngợi và lợi ích.

1. Nói về, Quán Âm lấy danh, Phổ môn làm đức, vì thế cùng nêu danh và đức, người cao quý lấy lý có danh có đức, cho nên nêu tên là phẩm Quán Âm Phổ môn.

2. Giải thích, ban đầu hỏi đáp là giải thích tên Quán Thế Âm, sau hỏi đáp là giải thích đức của Quán Thế Âm.

3. Khen ngợi, Bồ-tát Trì Địa khen ngợi rằng nếu nghe danh đức này thì công đức vô biên.

4. Lợi ích, tám muôn bốn ngàn người nghe danh đức này đều phát đạo tâm.

Bốn điều này là theo thứ lớp, trước nói lược sau giải thích rộng, nói và giải thích đã xong thì danh và đức đều hiển sáng cho nên Bồ-tát khen ngợi, khen ngợi xong thì người nghe kính ngưỡng cho nên đều phát đạo tâm. Phần nói rõ gồm có mười cặp ý đối nhau:

1. Nêu người và pháp, Quán Âm là người, Phổ môn là pháp, người và pháp là ý nghĩa nhân duyên, không có người thì không ai điều khiển pháp, chẳng có pháp thì không thể thành tựu người, cho nên trước nói người điều khiển pháp, sau nói pháp thành tựu người, đây là một cặp về người và pháp.

2. Quán Thế âm tức là pháp thân, khổ môn là ứng thân, trước dùng pháp thân quán xét căn cơ, sau hiện ứng thân để độ sanh, đây là một cặp về chân thân và ứng thân.

3. Quán Âm là ý nghiệp của Bồ-tát, Phổ môn là thân nghiệp và miệng nghiệp, trước dùng ý nghiệp quán xét, sau dùng thân nghiệp hiện thân thông, miệng nghiệp nói pháp, đây là một cặp trong và ngoài.

4. Quán Âm là đại bi cứu khổ, Phổ môn là đại từ ban vui, cho nên phần sau giải thích Quán Âm nghĩa là cứu khổ, Phổ môn là nói lên công

đức ban vui. Chúng sanh sở hóa chỉ có khổ không có vui, Bồ-tát năng hóa có đại từ đại bi, đây là một cặp về từ và bi.

5. Bồ-tát có hai thứ thân, thân Dược Thọ Vương và thân Như ý châu vương, thân Dược Thọ Vương thì gốc rễ, cành, lá, đều trị lành các bệnh, Bồ-tát cũng như vậy, ba nghiệp đều có thể cứu chúng sanh. Thân Như ý châu vương thì như báu ma ni, có thể ban tất cả điều vui, Bồ-tát cũng như vậy, hễ ai thấy nghe đều được lợi ích. Giải thích danh hiệu Quán Thế Âm là khen ngợi thân Dược Thọ Vương, giải thích tên Phổ Môn là nói thân Như ý châu vương, đây là một cặp về hai thân.

6. Giải thích danh hiệu Quán Âm là nói lên nghĩa chúng sanh có cảm, nêu Phổ môn là nói Bồ-tát có ứng, ban đầu cảm chẳng phải không ứng, sau ứng chẳng phải không cảm. Nhưng ban đầu nói ứng để thành cảm, sau nói cảm để thành ứng, đây là một cặp về cảm và ứng.

7. Nêu danh hiệu Quán Âm là khen ngợi Bồ-tát có thể ban sự vui cho chúng sanh ở thế gian, nêu tên Phổ môn là nói lên nghĩa Bồ-tát có thể ban cho chúng sanh sự vui ra đời gian, cho nên đoạn văn trước nói tiêu trừ bảy nạn, tròn đầy hai cầu nguyện, tức ban sự vui thế gian. Sau nói ba mươi ba thân, mười chín lần nói pháp đều được độ, tức ban sự vui xuất thế gian, đây đều là nói chung, chẳng phải nói riêng. Trước ban vui thế gian, sau ban vui xuất thế gian, đây là thứ lớp của pháp môn, tức là một cặp về thế gian, xuất thế gian.

8. Nêu Quán Âm là nói về thần thông, do quán xét âm thanh của chúng sanh tức là thiên nhĩ thông, nói Phổ môn tức thị hiện. Trong sáu thần thông thì có ba thứ là thần thông chẳng phải là thị hiện, đó là thiên nhĩ, thiên nhãn và túc mạng. Ba thứ vừa là thần thông, vừa là thị hiện, đó là tha tâm, thần túc và lậu tận. Lậu tận thì nói pháp, thần túc thì chuyển biến, tha tâm thì biết căn cơ, tức dùng sự khiến người tin nghiệm nên gọi là thị hiện, đây là một cặp về thần thông và thị hiện.

9. Nêu danh hiệu Quán Âm là nói lợi ích thâm, nêu Phổ môn là nói lợi ích hiển, sau hiện thân nói pháp nên gọi là hiển, trước không hiện thân nói pháp mà có thể khiến chúng sanh khỏi ách nạn nên gọi là lợi ích thâm. Bồ-tát cứu chúng sanh không ngoài hai nghĩa hiển và mật, tức là một cặp về mật và hiển.

10. Nêu Quán Âm là nói danh hiệu của Bồ-tát, nói Phổ môn là nói lên đức của Bồ-tát, đây là một cặp về tên và đức.

Phẩm này tuy ý nghĩa có đủ mười cặp mà nay dùng tên và đức làm chính, như kinh Đại Phẩm cũng dùng hai môn để nói Bà-nhã là nói ý nghĩa danh hiệu Bồ-tát và nói chỗ thực hành của Bồ-tát. Ý nghĩa danh

hiệu Bồ-tát là giải thích chữ Bồ-tát Ma-ha-tát, chữ này có Vô Lượng Nghĩa, cho nên lấy đây nói Bà-nhã. Nói chỗ thực hành của Bồ-tát là giải thích khen ngợi Đại thừa, nên lấy đây nói Bà-nhã.

Vấn này cũng như vậy, khen ngợi giải thích ý nghĩa chữ Quán Âm tức là nói Pháp Hoa, khen ngợi giải thích đức của Quán Âm cũng là nói Pháp Hoa.

Hỏi: Đây so với Bà-nhã có gì khác?

Đáp: Bà-nhã giải thích chung ý nghĩa tên và chỗ thực hành. Bồ-tát Ma-ha-tát là chữ chung cho nên giải thích chung tên. Kinh này giải thích chữ Quán Âm là giải thích tên riêng, Bà-nhã giải thích chung chỗ thực hành của các Bồ-tát, kinh này giải thích riêng đức ba mật của Quán Âm. Lại, Bà-nhã là giải thích chung về lợi mình lợi tha, nay chỉ giải thích môn hóa tha. Bà-nhã có đủ hai môn tuệ để giải thích, nay chỉ nói môn phương tiện để giải thích.

Nói danh hiệu Quán Âm, nước ngoài gọi là A-lê-gia-bà-lâu-cát-đề-thuế, Hán dịch là Quán Thế Âm, Bồ-tát thì có nhiều tên, nay theo phẩm này trong phần Phật trả lời lần nói lược ba tên; Quán Thế Âm, Quán Thế Ý và Quán Thế Thân. Bạc Thánh thì không có tên, nhưng vì chúng sanh mà đặt tên, là muốn chúng sanh phát sanh ba nghiệp thiện. Đặt tên Quán Thế Âm là khiến chúng sanh xưng tên sanh miệng nghiệp thiện, đặt tên Quán Thế Ý là khiến chúng sanh nhớ nghĩ sanh ý nghiệp thiện, đặt tên Quán Thế Thân là khiến chúng sanh lễ bái cung kính sanh thân nghiệp thiện, do phát sanh đầy đủ ba nghiệp thiện nên đặt ba tên này.

Hỏi: Đã đủ ba tên, sao chỉ gọi là Quán Thế Âm?

Đáp: Ba tên thì đề không thể ghi đầy đủ, cho nên chỉ nêu một tên. Tên Quán Thế ý chỉ sanh ý nghiệp thiện, tên Quán thế thân là sanh thân nghiệp và ý nghiệp thiện, do ý nghĩa sanh thiện bị hạn cục nên không nêu. Nếu miệng nghiệp xưng danh thì phải đầy đủ ba nghiệp, do sanh thiện nhiều cho nên đặt tên Quán Thế âm. Ý nghiệp là nhớ nghĩ, thân nghiệp thì lễ bái, chỉ là lợi mình mà chưa được lợi tha cho nên không đặt hai tên về thân và ý. Miệng xưng Quán Âm thì có đủ cả lợi mình lợi tha cho nên đặt tên Quán Thế âm. Cõi nước Ta bà dùng âm thanh thành Phật sự, ý nghĩa đã hiển rõ nên đặt tên Quán Thế Âm. Các nghĩa khác không đúng nên không gọi. Tên Quán Âm là có hạnh nguyện. Thuở quá khứ gặp Phật Không Vương Quán Thế âm phát nguyện lấy tên Quán Thế Âm, nay y theo nguyện mà đặt tên. Lại nữa, thuở quá khứ Quán Âm ở cõi này thực hành đạo Bồ-tát, do đó được tên gọi Quán Âm, hai

tên kia thiếu hai ý nghĩa này cho nên không nêu. Lại có kinh chép: Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, tên này đầy đủ cả ba nghiệp, đối với danh nghĩa là tối thắng. Lại có kinh chép: Bồ-tát Quán Thế Âm, hoặc có thể dịch là không đúng. Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát này trụ trong hành quang minh của pháp môn đại từ, do đó mà đặt tên là Quán Thế Âm. Lại, Bồ-tát này trụ trong Tam-muội Phổ môn quang minh, từ pháp môn sở trụ mà đặt tên. Sau lại chép: Ban sự vô úy, tên này là bao gồm chung, từ công dụng mà xưng tên.

Gọi là Quán Thế Âm: Quán là trí năng quán, Thế âm là cảnh sở quán, hợp trí và cảnh nên đề tên là Quán Thế âm. Quán đủ ba quán, cảnh đủ ba cảnh, đủ ba cảnh tức là chúng sanh phát ra tiếng là ở cổ, lưỡi, răng hòa hợp mà có tiếng, nghĩa là nhân duyên thanh, gọi là thế đế. Nhân duyên sanh pháp tức là tánh vắng lặng gọi là Chân-đế; cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa Trung đạo, tức là phi tục phi chân, Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Một âm thanh mà đầy đủ ba đế, Bồ-tát quán ba đế này tức là ba thứ quán.

Quán là ứng của Bồ-tát, Thế Âm là chiêu cảm của miệng nghiệp chúng sanh, cảm ứng đầy đủ nên đặt tên là Quán Thế Âm.

Hỏi: Vì sao gọi là Thế âm?

Đáp: Vì trong ba thứ thế gian thuộc chúng sanh thế gian.

Sách ngoài chép: Dùng tiếng thành văn gọi đó là âm, Phật pháp không phân biệt âm và thanh, như Tạng Tâm chép: Thanh có ba loại:

1. Do thọ âm thanh bốn đại, gọi là âm thanh chúng sanh

2. Do không thọ âm thanh bốn đại, gọi là âm thanh phi chúng sanh.

3. Do đầy đủ âm thanh, như người hợp với vật bên ngoài cùng phát ra tiếng, như là đánh chuông v.v... Nghĩa Thế âm có thể chung hai loại còn lại trong ba loại thanh này.

Gọi là Phổ môn, Phổ dùng biến khắp làm nghĩa, môn là khai thông không ngưng trệ. Lại môn là pháp môn, như kinh Hoa Nghiêm chép: Quán Âm trụ ở pháp môn đại từ, lại có thể thông đạo khiến chúng sanh ngộ nhập nên gọi là môn. Ý nghĩa chữ Phổ có ba:

1. Tha tâm phổ, nghĩa là không suy nghĩ mà biết cùng tận pháp giới.

2. Thần thông phổ, nghĩa là không động mà thích ứng mười phương hiện tiền.

3. Nói pháp phổ, không lời mà có thể trình bày, tiếng giáo pháp vang khắp tám hướng.

“Bấy giờ ngài Vô Tận Ý, v.v...”, đây là giải thích cả hai, trước hỏi đáp về tên ngài Quán Âm, sau là hỏi đáp giải thích đức của Quán Âm. Phần hỏi đáp đầu gồm có hai phần. Phần hỏi có ba câu:

1. Người năng hỏi.
2. Phép tắc hỏi.
3. Chánh hỏi.

Phần đáp cũng có ba câu, người năng hỏi tức là ý nghiệp, phép tắc hỏi là thân nghiệp, chánh hỏi là miệng nghiệp, ba chương hợp lại gồm có mười câu.

“Lúc bấy giờ”, đây là nói về thời gian, do trong chúng có tám muôn bốn ngàn người thích ứng được phát tâm, cho nên ứng thời mà hỏi.

“Bồ- Vô tận ý tát”, đây là người năng hỏi, gồm có tên riêng và tên chung. Nước ngoài gọi là A Sai mật, Hán dịch là Vô Tận ý. Kinh Đại Tập chép: Lúc ban đầu phát tâm đã không thể cùng tận, hướng chi là trí tuệ, thần thông, từ bi, nói pháp, mà có thể cùng tận hay sao?

Chánh ý mà nói thì chúng sanh vô tận nên lòng đại bi vô cùng, vì thế nói Bồ-tát Vô Tận Ý là tên chung. Kinh Đại Tập chép: Người ấy là Phổ hiền Như lai, Đại sĩ nhất sanh bổ xứ ở thế giới phương Đông, nếu nói theo nguồn gốc thì chính là thầy của Chư Phật mười phương, những người được Ngài hóa độ đều đã thành Phật.

“Liên từ chỗ ngồi đứng dậy v.v...” đây là phép tắc để hỏi, gồm có ba câu:

1. Nói từ chỗ ngồi đứng dậy, Hiếu kinh chép: Tăng tử rời khỏi chỗ ngồi làm lễ thưa rằng; thưa hỏi thì đứng dậy.

2. vén áo bày vai phải: Sách ngoài chép: lao nhọc mà không vén y, trong giáo pháp khi hỏi đạo thì vén y bày vai, đây là do phong tục không giống nhau. Các nước khác để đầu trần mà làm lễ, Trung hoa thì đội mũ là cung kính.

3. Chắp tay hướng vì Phật, bày vai là biểu hiện thân cung kính, chắp tay là biểu hiện tâm chuyên nhất, như bàn tay vốn là ở hai chỗ nay hợp thành một, tâm vốn theo các duyên nay kiềm chế mà không tán loạn, tâm đã vắng lặng khó thấy, cho nên mượn việc bên ngoài để nói lên tâm bên trong.

“Mà bạch Phật rằng v.v...” đây là phần chánh hỏi, gồm có bốn câu; ban đầu thưa là kiểm soát miệng nghiệp, bạch Thế tôn là chánh thức nói, gồm có ba:

1. “Thế tôn”, đây là nêu tôn hiệu, tức là biểu hiện đức của người

năng đáp, nếu không phải đức Thế tôn thì không ai có thể giải thích sự nghi ngờ này, sắp trình bày điều nghi cho nên nêu người chủ giải nghi.

2. “Bồ-tát Quán Thế âm”, đây là chỗ nghi về người.

3. “Vì sao?”, đây là lời nghi, nhân là nguyên nhân, duyên là dựa vào, vì sao có tên này. Tên gồm có hai thứ là có nhân duyên và không có nhân duyên. Như ngài Xá-lợi-phất do mẹ mà có tên, Ngài Mục-liên do dòng họ, đây là có nhân duyên. Đề La Bà Di thật không ăn dầu mà ép gọi tên là ăn Dầu, đây là không có nhân duyên. Nay là chưa biết tên Quán Thế âm chẳng biết có nhân duyên hay không cho nên hỏi. Có nhân duyên mà đặt tên gồm có bốn thứ:

1. Từ chỗ đến mà đặt tên, như sanh về cõi trời nên gọi là trời.
2. Từ hình tướng mà đặt tên, như thân có tướng lạ, do đó mà đặt tên.
3. Từ lỗi mà đặt tên, như trộm cướp v.v...
4. Từ đức mà đặt tên, như các Hiền Thánh.

Nay chưa biết do vì sao có tên Quán Thế Âm.

Hỏi: Vì sao Vô Tận ý hỏi tên Bồ-tát Quán Thế âm?

Đáp: Ba nghiệp của Bồ-tát đều là lợi duyên, do trong chúng có tám muôn bốn ngàn người thích ứng nghe tên được lợi ích, cho nên ngài Vô Tận Ý hỏi. Cũng muốn chúng sanh khổ não ở đời vị lai nghe tên được thoát khổ cho nên hỏi, cũng muốn nói lên đức của Bồ-tát Quán Thế âm, tức là nói kinh Pháp Hoa, Quán Thế Âm là người năng thừa, đức của ba luân là pháp sở thừa. Hỏi về danh và đức tức đầy đủ cả năng thừa và sở thừa, vì thế nói pháp Nhất thừa.

Hạng người kiêu mạn thường cậy mình mà lãng nhục người khác, nay muốn nói lên ngài Vô Tận Ý không ỷ tôn quý cho nên hỏi về đức hạnh của người. Lại chúng sanh ganh ghét thường che giấu đức của người khác mà lại hay phơi bày chỗ xấu của người khác, pháp của Bồ-tát thì che giấu lỗi và nói lên đức của người khác, đây là khiến chúng sanh bắt chước học theo cho nên hỏi. Lại chỉ bày có điều nghi chưa rõ, tất cả Bồ-tát đều quán xét âm thanh ở thế gian, nay do nhân duyên gì mà chỉ riêng ngài tên Quán Thế âm. Lại Chư Phật ba đời là phát lời nói có hai cách:

1. Tự khai mở, như phẩm đầu Phật từ Tam-muội ra không ai hỏi mà tự nói.

2. Do người khác, tức đợi ngài Vô tận Ý hỏi rồi mới nói.

Phật trả lời có bốn trường hợp:

1. Giải thích danh hiệu Quán Thế âm

2. Khuyên trì danh hiệu.
3. Nói so sánh về công đức trì danh.
4. Tổng kết khen ngợi.

Do hỏi về tên cho nên trước phải giải thích tên, giải thích tên có lợi ích rộng nên khuyên trì danh hiệu. Trì danh hiệu một vị Bồ-tát này có phước đức bằng trì danh hiệu nhiều Bồ-tát cho nên khuyên trì.

Phần đầu lại chia làm ba:

1. Giải thích danh hiệu Quán Thế Âm
2. Giải thích danh hiệu Quán Thế ý
3. Giải thích danh hiệu Quán Thế Thân

Trong mỗi câu đều giải thích trước, sau kết lời khen ngợi, tức ba lần giải thích, ba lần khen ngợi. Vô Tận Ý chỉ hỏi một tên mà Đức Phật trả lời nhiều, tức là hỏi lược mà đáp rộng như trên đã giải thích. Giải thích đầy đủ ba tên là muốn nói lên cảnh sở quán tròn đầy, quán năng chiếu đầy đủ. Cảnh không ngoài ba nghiệp nên chỉ quán ba nghiệp, vì thế lập ba tên, cảnh sở quán có đủ ba nghiệp, mà Bồ-tát năng quán chỉ có ý nghiệp.

Lại lập ba tên là để có chúng sanh xưng danh mà được độ, có chúng sanh riêng không thể nói, nhưng có tâm năng niệm, tự có chúng sanh miệng không thể nói tâm lại tán loạn không thể nhớ nghĩ nhưng dùng thân lễ bái. Chúng sanh thì kiêng cử khác nhau cho nên phải đặt nhiều tên.

Trong phần giải thích danh hiệu Quán Thế âm thì có hai phần là đáp lược và đáp rộng, trước lược sau rộng là vì giải nghĩa. Trước gọi là đáp chung, sau gọi là đáp riêng; đáp chung tức gọi là cứu hết khổ của chúng sanh trong ba đường sáu đường, đáp riêng tức nói chỉ cứu khổ ở cõi Dục, trong cõi Dục thì thường là cứu loài người bị khổ, trong loài người khổ thì thường là cứu khổ ở Diêm-phù-đề, các phương khác thì không có những nạn vua quan, cướp bóc v.v... Trước đáp chung, sau đáp riêng là muốn nói lên nghĩa cảm ứng đã chu toàn, vì thế chia làm hai.

“Người thiện nam”, kinh Hoa Nghiêm gọi là Phật tử, các kinh khác thường gọi là người thiện nam, do có ý nghĩa nối kế nên gọi là tử, có tài năng gánh vác nên gọi là nam, thực hành có lợi cho người, phù hợp với lý, cảm được điều vui nên gọi là thiện.

“Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh”, đây là chánh đáp lời hỏi, gồm có bốn câu phân thành hai cặp.

1. Chúng sanh chịu các khổ não, đây là duyên cảm. Tức là ý của xưng danh.

2. Nghe Bồ-tát Quán Thế âm này một lòng xưng danh: đây là thể của cảm.

3. Bồ-tát Quán Thế âm tức thời xem xét âm thanh kia.

4. Điều được giải thoát, tức nói ý nghĩa của ứng. Hai điều trước là cảm, hai câu sau là ứng, tức là một cặp cảm và ứng. Hai câu trước là cảm, tức m thanh thế gian, hai câu sau là ứng, tức giải thích ý nghĩa quán. Đủ hai cặp này gọi là Quán Thế âm, để đáp lời hỏi của Vô Tận ý.

“Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh”, đây là nói chúng sanh chịu khổ rất nhiều. Nói chữ ức, Trung hoa dùng muôn muôn làm một ức. Luận Trí Độ chép: ngàn muôn làm một ức, đây do phong tục khác nhau.

“Chịu các khổ, nã”, đây là nói về sự khổ chẳng phải một loại, khổ là tám khổ, cũng có vô lượng khổ, nã là chín nã, cũng có vô lượng nã.

“Nghe Bồ-tát Quán Thế âm này”, đây là nói về xưng danh, tức là thể của cảm, nghĩa là lúc chưa chịu khổ đã từng nghe danh hiệu Bồ-tát, hoặc nghe từ kinh quyển, hoặc từ người truyền lại.

“Nhất tâm xưng danh”, nghĩa là ngày nay đang chịu khổ mà cầu cứu xưng danh. Nói nhất tâm là vì giải thích sự nghi vậy, nếu có xưng danh mà không được giải thoát là do không nhất tâm.

“Quán Bồ-tát Thế Âm tức thời xem xét âm thanh kia”, đây là nói quán xét căn cơ, tức là ứng duyên. Có người chấp văn này là thuộc ở trên, mà pháp sư Hưng Hoàng lại bổ túc thêm một chữ Bồ-tát Quán Thế Âm. Nay cũng là đủ không mất, nhưng văn này thuộc phần dưới. Làm sao biết? Bởi trên đã nói nghe danh hiệu Quán Thế âm này, lại nói nhất tâm xưng danh, đã nói tên rồi, cho nên câu sau là thuộc phần dưới, nói về ứng của Quán Âm.

“Điều được giải thoát”, đây chính là nói về ứng, tức là thoát khỏi khổ.

Hỏi: Vì sao xưng danh có người thoát khổ, có người không thoát khổ?

Đáp: Như trên đã nói, do có nhất tâm và không nhất tâm nên có thoát khổ và không thoát khổ. Có người thoát khổ được lợi ích thì ngài cứu độ, có người thoát khổ không được lợi ích thì Ngài không cứu. Cùng kết duyên với Bồ-tát Quán Âm thì có nhiều ít, duyên mỏng thiện ít nên không thoát khổ, duyên dày thiện nhiều thì được thoát khổ. Nghiệp của chúng sanh thì có nhất định và bất định, bất định thì có thể cứu, nhưng

nhất định thì không thể cứu. Nói chữ định gồm có bốn ý:

1. Tâm gây ra tội nặng, gây ra rồi tâm không hổ thẹn.
2. Che giấu
3. Làm rồi lại làm nữa.
4. Khởi nguyện giúp đỡ.

Vì thế nhất định có quả báo, không thể cứu giúp.

Hỏi: Nếu không thể cứu giúp thì xưng danh không có lợi ích hay sao?

Đáp: Nay tuy không có lợi ích nhưng làm nhân cho đời sau.

“Nếu có người trì tụng danh hiệu”, đây là nói riêng cứu nạn để giải thích danh hiệu Quán Âm, gồm có bảy nạn:

1. Cứu tai nạn về lửa.
2. Cứu tai nạn về nước.
3. Cứu tai nạn về gió bão.
4. Cứu tai nạn về bị hình phạt giết hại.
5. Cứu tai nạn La-sát.
6. Cứu tai nạn bị giam cầm.
7. Cứu tai nạn về cướp bóc.

Đây đều là điều nguy cấp trong các tai nạn, cho nên trình bày sơ lược, ngoài ra còn có tật bệnh, cọp sói, sấm sét, lạc vào đường hiểm, xin xem trong kinh Quán Âm đều có chép đủ. Bảy nạn này chia hai ý:

1. Ba loại đầu là nạn về vô tình.
2. Bốn loại sau là nạn về hữu tình.

Hai ý này là bao gồm hết tất cả nạn. Nạn về vô tình thường không thể cứu được cho nên khó tránh khỏi, đoạn sau có nói. Lại nữa, nạn vô tình là ba tai nạn lớn, vừa rộng vừa dài, dài nên có thể đến cõi Tam thiên, rộng nên cả thế giới đại thiên đều hư hoại, vì thế trước nói nạn hữu tình không đúng. Quỷ nạn là: Giả sử đầy cả tam thiên không đến cõi trên. Nạn hữu tình thì ngắn lại hẹp, đoạn sau có nói đến, trong hai nạn này mỗi nạn lại có ba nạn, ba nạn vô tình là lửa, gió, nước, ba nạn hữu tình là mạng, thân, tài vật.

Nạn vô tình có hai thứ theo thứ lớp là:

Từ nhanh đến chậm; theo ba tai thì từ nhỏ đến lớn.

Nạn hữu tình thì từ nặng đến nhẹ cho nên trước nói mạng, sau nói tài vật. Và từ khó đến dễ, tức nạn về mạng khó thoát, nạn tài vật thì dễ thoát. Phần nói về nạn vô tình chia làm hai:

1. Nói cứu ba nạn.
2. Lời kết về danh hiệu Quán Âm.

Trong mỗi nạn ứng có bốn phần:

1. Gặp nạn
2. Xưng danh hiệu
3. Quán xét căn cơ
4. Thoát khỏi tai nạn

Hai câu đầu là giải thích nghĩa Thế âm để nói về cảnh, hai câu sau là giải thích nghĩa quán để nói về trí. Lại hai câu đầu là nói về cảm, hai câu sau nói về ứng, nhưng trước sau cùng hiện khác nhau, nay ăn chia làm bốn:

1. Trì danh hiệu
2. Gặp tai nạn
3. Thoát khỏi nạn
4. Kết thân lực

Hỏi: Trên nói trước gặp nạn sau xưng danh, nay vì sao nói trước trì danh sau gặp nạn?

Đáp: Việc lửa là gặp, nếu thân ở trong lửa mới xưng danh hiệu thì thân đã bị tan rồi, cho nên trước nói trì danh, sau nói gặp nạn. Những việc ứng nghiệm chẳng phải một, như chuyện Hội Khế, Cao Sĩ, Tạ Thuần tự Khánh Chử. Ngô Quận, Trường Ảnh, Huyền Lăng Đãng v.v... đều chép trong sách Quán Âm Nghiệm Ký, đều nói về việc lửa cháy.

Xưa có người Tây Vực ở trong mái nhà tranh, bỗng gặp người hàng xóm bị cháy nhà. Người Tây Vực này lại ở dưới gió, liền tụng niệm Quán Âm khiến những ngôi nhà ở xung quanh cháy hết mà nhà tranh đó không bị cháy. Bấy giờ có những người trẻ tuổi không tin việc này, mấy đêm liền ném đuốc lửa lên nhà người ấy, ba lần ném thì ba lần đều tắt.

Hỏi: Xưng danh vì sao được thoát nạn lửa?

Đáp: Do thần lực của Bồ-tát khiến lửa tự tắt, hoặc hồi chuyển thế gió khiến lửa không thiêu đốt, hoặc dẫn người nạn ra khỏi chỗ lửa, hoặc rưới mưa khiến lửa tắt, hoặc lửa tự nhiên không thiêu đốt, hoặc dùng vật khác để ngăn lửa, hoặc khiến đắc thiên định, không, Tam-muội tùy theo căn cơ thích hợp.

Hỏi: Vì sao nói dầu nhảy vào lửa lớn, lửa không thể thiêu?

Đáp: Nếu chưa nhảy vào lửa mà xưng danh được thoát, hoặc sẽ cho rằng không có thần lực của Quán Âm, nay nhảy vào lửa mà không đốt cháy thì biết đó là năng lực của Bồ-tát.

Hỏi: Lửa nhỏ cũng có thể thiêu người, vì sao phải nói là lửa lớn?

Đáp: Hoặc có người cho rằng lửa nhỏ không thể thiêu, hoặc cho

rằng do năng lực của cấm chú nên khiến lửa nhỏ không thiêu, nay nói vào lửa lớn không bị thiêu tức biết đó là năng lực của Bồ-tát.

Kế nói về nạn nước có ba ý là gặp nạn, xưng danh hiệu và được chỗ cạn. Hai ý trước là nói về âm thanh ở thế gian để nói về cấm, ý sau là giải thích nghĩa quán để nói về ứng. Nước lớn mới có thể làm hại, nhỏ thì không thể hại, cho nên trước nói lửa gặp, sau nói nước chạm.

Hỏi: Nói nạn lửa thì trước trì danh sau gặp nạn, sao nạn nước thì trước gặp nạn sau trì danh.

Đáp: Chạm lửa thì hại người cho nên trước phải trì danh, nước thì không đúng. Có người trước trì danh sau gặp nạn, có người trước gặp nạn sau xưng danh, cả hai đều được cứu.

“Nếu có trăm ngàn muôn ức chúng sanh”, đây là nói về nạn gió bão. Sở dĩ biết gió đây là nạn bởi y theo thứ lớp ba tai là lửa, nước, gió. Do gió thổi ghe thuyền trôi tấp vào cũi nước quỷ La-sát, cho nên lửa có thể đốt là nạn, nước có thể làm chìm là nạn, gió có thể thổi là nạn, văn này chia hai phần:

1. Nói âm thanh ở thế gian để nói về cấm.
2. Giải thích ý nghĩa chữ Quán để nói về ứng.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Gặp nạn
2. Xưng danh

Gặp nạn lại chia làm hai phần:

1. Nói chuyện gặp nạn
2. Chánh gặp nạn

“Nếu có vô lượng”, tức nói người gặp nạn chẳng phải một người.

“Vì tìm bảy thứ báu”, đây là nói nguyên nhân gặp nạn, bảy thứ báu có nhiều chỗ nói khác nhau. Kinh Niết-bàn nói bảy báu là: voi trắng, xe vàng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ, chủ binh, đây là bảy thứ báu của vua Chuyển Luân, những người khác không có.

Kinh Hằng Thủy nói thế gian có bảy báu là: Vàng, Bạc, San hô, Ngọc trắng, Xa cừ, Minh nguyệt, ma ni.

Phật pháp cũng có bảy báu là: Bốn quả vị La-hán, Bồ-tát, Bích chi và Phật.

Luận Trí Độ quyển 16 nói về bảy báu là: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, ân hầu.

Kinh này nói vật báu thứ bảy là hổ phách, chân châu chẳng phải nằm trong số bảy báu nên nói câu: các thứ báu.

Phẩm Hiện Tháp báu chép: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân

châu, mai khô. Có kinh chép: chánh báu có bảy thứ, tạp báu có một trăm hai mươi thứ.

“Giả sử gió đen thổi ghe thuyền kia”, đây chính là nói gặp nạn. Theo kinh Hoa Nghiêm nói có mười thứ gió, theo kinh Nhân vương nói có năm màu gió, là gió xanh, gió đỏ, gió đen v.v... Luận Thành Thật nói gió không màu sắc, lại nói trong gió hoặc có nhiều xúc mà không hương, hoặc có hương, xúc mà không có sắc vị.

Có người nói sắc gió đen, việc này không đúng, gió này làm nhân cho sắc đen, chẳng phải sắc đen. Nay nói gió đen là do trước khi khởi gió thì có mây đen nên nói gió đen nên nói gió đen. Lại nói rằng lúc gió này sắp khởi thì trên biển có khí đen, vì thế lấy đây làm tên. Lại chép: Thổi cát đen trên bờ biển nên gọi là gió đen.

“Thổi ghe thuyền kia”, sách chép rằng: từ đất này trở về Tây gọi chữ thuyền, từ đây trở về Đông gọi là ghe.

“Thổi trôi tấp vào nước quý La-sát”, do sức gió khiến trôi vào nước quý, chẳng phải nạn quý.

“Trong ấy nếu có người xưng danh hiệu”, đây là nói phần xưng danh, như người cùng thuyền vui buồn thì nên đều xưng danh, nhưng nói mỗi người xưng danh là nói lên tâm đồng nhau, nói một người xưng danh mà mọi người thoát nạn, là nói lên Bồ-tát có thần lực lớn.

“Thời các người đó đều được thoát nạn”, đây là giải thích nghĩa quán xét để nói về ứng.

“Do nhân duyên này”, đây nói về nạn vô tình xong nên tổng kết để đáp lời hỏi trên.

“Nếu lại có người”, đây là nói về nạn hữu tình, so với trước là nạn lớn trên đất liền. Sở dĩ trong ba tai nạn không có địa tai mà có địa nạn, đất do chế ngự mà thành nạn, không chế ngự thì chẳng có nạn. Tai thì tùy ý mà khởi, không cần người chế ngự cho nên không có địa tai. Lại cõi Tứ thiên không có tai họa bên trong cho nên bên ngoài không có địa tai, nay có người chế ngự cho nên có địa nạn, so với ở sau là nạn hữu tình. Hợp bốn nạn làm ba phần, như trên đã giải thích. Hai loại đầu nói nạn về thân mạng, do mạng là quan trọng cho nên nói trước, nước, lửa, gió đều là hại mạng, đây kể với văn trên cho nên trước nói nạn về mạng. Trong phần nạn về mạng thì trước là người sau là quý, bởi nạn về người thì thấy rõ, nạn về quý thì ẩn kín, cho nên nói từ hiển đến ẩn. Lại kể phần nạn lửa, nước, gió, kể nói đến đất, cho nên trước nói người sau nói quý.

“Dầu là có người hoặc có tội”, đây là nói về thân nạn, xiềng xích

trối buộc thân nên gọi là thân nạn. Bàn nói về ba đời thì đều có tội, mà trong kinh nói hoặc không tội, là do hiện tại không làm nên nói không mà thôi. Kinh chép: Có chín thứ đại hoạnh, cũng do hiện tại không làm nên nói hoạnh. Nếu không tội mà chịu khổ là không nhân mà có quả, thì việc này không đúng.

“Nếu trong cõi Tam thiên đại thiên đầy kẻ cướp bóc”, đây là nói về tài vật nạn. Trong kinh nói mang theo nhiều của báu cho nên biết là tài vật nạn, trước giải thích nghĩa Thế Âm để nói về cảm, sau giải thích nghĩa Quán để nói về ứng. Phần đầu chia làm hai là gặp nạn và xưng danh hiệu.

“Trong ấy có một người xưng rằng”, đây là nói phần xưng danh hiệu, ban đầu là khuyên xưng danh, sau là mọi người vâng lời mà xưng danh. Phần khuyên xưng danh chia làm bốn:

1. Dặn dò
2. Khuyên bảo
3. Giải thích lời dặn
4. Giải thích lời khuyên.

“Các vị phải nhất tâm xưng danh”, đây là khuyên bảo

“Vị Bồ-tát đó hay thí pháp vô úy cho chúng sanh”, đây là giải thích lời dặn chớ nên sợ sệt. “Nếu các vị xưng danh...” là giải thích lời khuyên.

“Các người buồn nghe rồi”, đây là nói vâng lời mà xưng danh.

“Vì xưng danh hiệu ấy”, đây là giải thích nghĩa Quán xét để nói về ứng.

“Vô tận ý v.v...” trước đã giải thích tên nay là khen ngợi danh đức.

“Nếu có chúng sanh nặng về dâm dục v.v...”, đây giải thích về Quán Thế ý.

Trong tâm thường niệm danh hiệu, do quán sát ý nghĩa nên được lia ba độc, cho nên đây là giải thích Quán thế Ý,

Hỏi: Vì sao giải thích tên Quán thế Ý mà nói dứt ba độc?

Đáp: Dứt hoặc thì thân miệng cần có ý.

Trên là nói cứu quả khổ nay là cứu nhân khổ, trên là cứu thân nạn, nay là cứu tâm nạn, trên là cứu nạn nhục thân, nay là cứu nạn pháp thân, trên là cứu nạn thế gian, nay là cứu nạn xuất thế gian, trên là cứu nghiệp chướng báo chướng, nay là cứu giúp chướng phiền não, trên là cứu nạn một đời, nay là cứu nạn ba đời, trên là cứu nạn trong loài người, nay là cứu nạn trong ba cõi, trên là người thực hành cạn, nay là người

thực hành sâu, trên là tàm cứu nạn, nay là cứu nạn lâu dài. Văn này chia làm hai:

1. Giải thích tên Quán Thế Ý
2. Khen ngợi danh hiệu và khuyên chúng nhĩ rằng nhớ.

Nói cứu ba độc chia làm ba thứ khác nhau là tham, sân, si, trong mỗi câu đều trước giải thích nghĩa thế ý để nói về cảm, sau giải thích nghĩa quán để nói về ứng, như câu: liền được lìa dục.

Hỏi: Niệm Quán Thế âm vì sao lìa được ba độc?

Đáp: Do thường niệm khiến ba độc không khởi lên, thường niệm về thật tướng và pháp thân của Quán Âm tức sanh quán như thật, cho nên được diệt ba độc.

Lại, đây là Tam-muội niệm Phật, Tam-muội niệm Phật thì có thể đối trị tất cả chướng. Lại do thường niệm nên Quán Âm hiện thân vì họ nói pháp khiến ba độc không khởi. Lại do thường niệm nên Quán Âm có thể chuyển cảnh hiện tiền, như cõi trời Tịnh cư che khắp các thể nữ vì là bất tịnh.

“Nếu có người nữ muốn cầu con trai”, đây là giải thích tên Quán Thế Thân. Lại trên là cứu nạn có bảy nạn là thân nạn, ba độc là tâm nạn, nay là cứu nạn Vô. Cứu nạn vô gồm có hai thứ, là không có con trai và không có con gái. Trên là đại bi cứu khổ, nay là đại từ ban vui, trên là cùng chúng sanh thực hành quả, nay có thể làm tròn đầy nguyện quả của chúng sanh. Hành có hai hạnh, nguyện cũng có hai nguyện.

Hỏi: Giải thích ba tên có thứ lớp gì?

Đáp: Bảy nạn là khổ nặng cho nên nêu trước, kể nói ba độc làm tâm phiền não, không có con trai con gái là việc cầu mong không gặp nên nói sau cùng.

Hỏi: Vì sao gặp bảy nạn thì xưng danh, có ba độc thì thường niệm, không con trai con gái thì cúng dường lễ bái.

Đáp: bảy nạn là việc gấp, thời gian ngắn không rảnh để lễ bái cúng dường, cũng không kịp để tĩnh tâm nhiếp niệm nên chỉ xưng danh hiệu. Ba độc thì thời gian dài lại khó dứt, phải có đạo đối trị nên thường niệm danh hiệu. Không con trai con gái mà cầu nguyện là khác với hai loại trên nên lễ bái cúng dường. Lại nữa, danh hiệu Quán Âm đầy đủ hạnh nguyện nên ban đầu khiến xưng danh, hai tên khác có hạnh mà không nguyện tức nêu ở sau, trong hai tên này thì ý là gốc, thân là ngọn, lại có thứ lớp, trước là giải thích danh hiệu, sau là khen ngợi danh hiệu.

Hỏi: Không có con trai con gái gá thác sanh làm người cho nên

hiện thân đồng nam đồng nữ, lại nghiệp của mẹ và con tuy là có duyên đời trước mà không quyết định, nay có sức tu phước nên khiến người tốt gá sanh.

Hỏi: Vì sao nói con trai có phước đức trí tuệ, con gái có tướng xinh đẹp?

Đáp: Người nam có một trăm hạnh mà trí là đầu, người nữ có bảy đức thì dung nhan đứng đầu.

Văn này trước nói nghĩa thân thế gian để nói về cảm, sau giải thích nghĩa Quán để nói về ứng.

“Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì”, đây giải thích ba danh hiệu đã xong nên kết lời khuyên thọ trì.

“Nếu có người thọ trì danh tự”, đây là nói phần công đức trì danh, chia làm bốn phần:

1. Nói sự thực hành trì danh nhiều và hỏi Vô Tận Ý về công đức
2. Đáp lời Thế tôn hỏi
3. Chính là nói về so sánh công đức
4. Kết lời khen ngợi trì danh hiệu.

Sở dĩ có phần này vì lúc ấy đại chúng nghi ngờ rằng:

Thọ trì danh hiệu Quán Thế âm có công đức này, nhưng thọ trì danh hiệu khác có được như vậy không?

Vì thế nói so sánh công đức hơn kém, thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng sa Bồ-tát có công đức bằng với thọ trì một danh hiệu Quán Âm, nhưng trì nhiều danh hiệu thì khó, trì một danh hiệu là dễ, đây muốn giải thích khuyên trì danh hiệu nên so sánh nói công đức. Phật hỏi gồm ba ý:

1. Nói trì nhiều danh hiệu
2. Nói trọn đời cúng dường là thời gian lâu dài.
3. Nói các thứ cúng dường tức cúng dường rộng.

“Phật dạy: nếu có người thọ trì”, đây chính là nói về so sánh công đức, lại có hai phần:

1. Nói ba việc về thọ trì danh hiệu Quán Âm là trì danh ít, thời gian ngắn và cúng dường hẹp.

2. Nói về so sánh công đức tức câu: “thời phước của hai người...”

Hỏi: So sánh có bảy loại:

1. Phạm không bằng Thánh, như kinh Đại Phẩm chép: Dạy một người đấng Sơ quả thì hơn dạy người ở cả Diêm-phù-đề thực hành mười điều lành.

2. Ít không bằng nhiều, như người Nhị thừa không bằng Bồ-tát.

3. Cạn không bằng sâu, như thực hành cạn không bằng sâu
4. Nhân không bằng quả, như Bồ-tát không bằng Phật
5. Có sở đắc chẳng bằng không có sở đắc, như sáu độ thế gian không bằng sáu độ xuất thế gian.
6. Ngọn không bằng gốc, như năm độ tuy là không có sở đắc mà cuối cùng không bằng Bà-nhã, bởi Bà-nhã là gốc.
7. Vô duyên không bằng có duyên, như Phật giáo hóa Tu-bạt-đà-la không bằng ngài A nan.

Ở đây thuộc loại so sánh nào?

Đáp: Có người chép: sáu mươi hai ức Bồ-tát là nhân. Quán Âm vị là cổ Phật, tức là nhân không bằng quả. Thử hỏi tất cả nhân đã không bằng quả, chẳng lẽ mười hai ức Bồ-tát bằng các quả sao?

Có người nói sáu mươi hai ức Bồ-tát là thực hành cạn, Quán Âm là thực hành sâu, thử hỏi: kinh không nói sáu mươi hai ức Bồ-tát là thực hành cạn, Quán Âm là thực hành sâu lại hành cạn không thể bằng sâu thì sao sáu mươi hai ức Bồ-tát lại bằng Quán Âm như văn kinh.

Có người chép: Quán Âm là giáo chủ, sáu mươi hai ức Bồ-tát là Thánh chúng, vì là thánh chúng nên không bằng giáo chủ. Nạn rằng: vì là thánh chúng nên không bằng, không phải chỉ sáu mươi hai ức không bằng mà tất cả thánh chúng cũng không bằng. Nay nói sáu mươi hai ức Bồ-tát và Quán Âm là ngang bằng về địa vị và chỗ thực hành, nhưng nói chỗ không bằng, thì các kinh nói có hai thứ:

1. Bình đẳng, như ngài Diệu Âm được Tam-muội phổ hiện sắc thân, tám muôn bốn ngàn Bồ-tát cũng được như vậy, tức ngài Diệu Âm và Bồ-tát là bình đẳng, cúng dường và trì danh đều bình đẳng không khác.

2. Không bình đẳng, sáu mươi hai ức Bồ-tát thật là ngang bằng với Quán Âm, nay muốn mọi người tôn trọng ngài Quán Âm, nên ở chỗ bình đẳng mà nói không bình đẳng. Cũng như khen ngợi Chư Phật nói kinh, lễ bái Phật Bảo Quang Minh chỉ diệt được tội trong sáu mươi mốt kiếp sanh tử, lễ Phật Câu-lưu Tôn diệt được tội trong vô lượng kiếp.

Kinh Thiên Phật Nhân Duyên chép: Lễ Phật Thường Bảo Tràng Ứng Ni Quang diệt được tội trong bảy trăm muôn a tăng kỳ kiếp, lễ Phật Hoan Hỷ Trang Nghiêm Bảo Vương diệt được tội trong năm trăm muôn a tăng kỳ kiếp. Đây là chỉ bày môn không bình đẳng cho nên khiến chúng sanh tâm cao thấp, nếu thật bình đẳng mà nói bình đẳng thì chúng sanh không khởi tâm tôn trọng nghiêng về ngài Quán Âm.

Luận Pháp Hoa chép: Thọ trì danh hiệu Quán Âm và thọ trì sáu

mười hai ức Hằng sa danh hiệu Chư Phật.

Luận chép: Phật đều là Bồ-tát địa Đẳng giác, đã gọi là Đẳng giác, tức là Đẳng giác Phật.

Luận chép: Phước đức bình đẳng có hai nghĩa:

1. Tín lực
2. Biết rốt ráo

Tín lực có hai loại:

1. Cầu thân mình như Quán Âm tự tại không khác, do tin rốt ráo.
2. Sanh tâm cung kính Quán Âm, như Ngài có công đức, ở đây cũng như vậy, rốt ráo mà được.

Biết rốt ráo tức là quyết định biết pháp giới, Pháp giới gọi là pháp tánh, pháp tánh kia nhập Sơ địa, Bồ-tát có khả năng chứng nhập. Tất cả Chư Phật và Bồ-tát đều là bình đẳng thân, bình đẳng thân là pháp thân chân như, cho nên công đức thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa Phật cũng bằng thọ trì danh hiệu ngài Quán Âm. Đại ý luận này nói bình đẳng không hai, nói về môn vô sai khác, ban đầu là tín không hai, sau là ngộ không hai, cùng với sự giải thích trước là không trái nhau.

“Vô tận ý, thọ trì danh hiệu v.v...”, đây là kết lời khen ngợi.

“Bồ-tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng”, đây là giải thích Phổ môn, nói về đức của Quán Âm. Trên tuy là khen ngợi ngài Quán Âm có khả năng cứu khổ ban vui, nhưng không biết lấy gì để cứu độ, vì thế nay giải thích rằng: Mỗi nạn hoặc dùng thân nghiệp thần thông mà cứu độ, hoặc dùng miệng nghiệp nói pháp để cứu độ, hoặc dùng ý nghiệp thâm cứu độ, đây cũng có trước hỏi sau đáp, hỏi có ba ý:

1. Nêu người hỏi
2. Chánh hỏi tức bạch Phật
3. Nói Bồ-tát Quán Thế Âm tức là người để hỏi, cũng có ba câu:
 1. Đạo đi trong cõi Ta bà như thế nào, đây là hỏi về thân nghiệp.
 2. Vì chúng sanh nói pháp ra sao, đây là hỏi về miệng nghiệp.
 3. Năng lực phương tiện như thế nào, đây hỏi về ý nghiệp, “Phật bảo Vô tận Ý v.v...” đây là lời đáp có ba câu:
 1. Chánh đáp, nói về đức của ba luân
 2. Khuyến khích cúng dường
 3. Tổng kết lời khen ngợi.

Ban đầu chính là đáp ba câu hỏi nên nói về đức của ba luân, đã có đức cao quý tức là ruộng phước cho nên phải cúng dường. Nói đức của ba luân tức là thí chủ, nói về cúng dường là nói lên ruộng phước, ruộng phước, thí chủ đã rõ ràng cho nên tổng kết lời khen ngợi.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Nói riêng về thị hiện ba mươi ba thân và mười chín lần nói pháp

2. Tổng kết tất cả thân giáo và phương tiện.

Phần một lại chia làm ba:

1. Phương tiện hiện thân bậc Thánh

2. Phương tiện hiện thân phàm

3. Phương tiện hiện thân phi phàm phu, phi Thánh.

Hiện thân bậc Thánh là nói bậc Thánh Ba thừa, tức ba thân khác nhau, trong mỗi lần đều đáp đủ ba câu hỏi. Vì đó nói pháp tức trả lời về miệng nghiệp, đáng dùng thân gì tức trả lời về ý nghiệp, tức hiện thân ấy đó là trả lời về thân nghiệp. Trên là từ hiển đến ẩn nên nói thân, miệng, ý, nay là từ gốc đến ngọn nên nói ý, thân, miệng, trước là ý nghiệp biết căn cơ, kế là hiện thân và sau là nói pháp.

Hỏi: Kinh này gom ba thừa về một, sao một lại chỉ bày ba thừa?

Đáp: Tuy nói gom ba về một mà không mất ý chia một làm ba, từ đầu kinh đến đây là nói phần chính là nói, nghĩa là gom dụng về thể, cho nên nói gom ba về một. Nay nói về phần truyền bá là từ thể khởi dụng, cho nên ở một nói ba.

Hỏi: Phẩm Diệu Âm có thân Bồ-tát, nay sao không có?

Đáp: Kia không nói nghĩa ba thừa cho nên có thân Bồ-tát, nay muốn nói về ba thừa, thân Bồ-tát là nhiếp nhập Phật thừa cho nên không nói.

Hỏi: Quán Âm là Phật hiện thân hay chẳng phải Phật?

Đáp: Kinh nói khác nhau nhau, kinh Quán Âm Tam-muội chép: Quán Âm thành Phật trước Ta, tên là Chánh Pháp Minh Như lai, ta là đệ tử tu khổ hạnh. Lại chép: Ta và Quán Âm đồng thời thành chánh giác. Kinh Quán Âm Thọ Ký chép: Quán Âm ở chỗ Phật Kim Quang Du Hý mới phát đạo tâm, vua nước ấy tên là Oai đức Vương. Oai đức vương nhập thiền định bỗng có hai đồng tử xuất hiện ở hai bên, vua xuất định hỏi tên họ, hai đồng tử nói bài kệ để đáp. Ban đầu nói đệ nhất nghĩa đáp là không tên, sau nói về thế đế là đáp có tên. Sau khi Phật Di-đà diệt độ, thế giới mãi vang pháp âm không dứt, đê-m Đức Phật nhập diệt thì ngài Quán Âm bổ xứ, thế giới đổi tên là Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, Phật hiệu là Phổ Quang Công đức Sơn Vương. Đại Thế chí cùng Bổ xứ với Quán Âm, Phật hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương. Phật Kim Quang Sư tử và Phật Di-đà đều có ba thừa, hai Phật sau chỉ có thừa Bồ-tát, người nào nghe được danh hiệu hai vị Phật này

thì được chuyển thân nữ, tiêu hết tội sanh tử trong bốn mươi kiếp.

Hỏi: Ngài Quán Âm vì sao lại có duyên ở cõi này?

Đáp: Kinh Hoàng Mãnh Hải Tuệ chép: Xưa ở cõi Diêm-phù-đề có vị vua tên là Thiện Thủ, có năm trăm người con, người thứ nhất tên là Thiện Quang gặp Phật Không Vương Quán Âm mà phát mười nguyện lớn:

1. Nguyện đắc tất cả pháp
2. Nguyện được thuyên Bà-nhã
3. Nguyện gặp gió trí tuệ
4. Nguyện được phương tiện khéo léo
5. Nguyện độ tất cả mọi người
6. Nguyện khiến tất cả vượt khỏi biển khổ.
7. Nguyện được đầy đủ giới định.
8. Nguyện lên núi Niết-bàn.
9. Nguyện gặp nhà vô vi
10. Nguyện đồng tánh thân pháp, đều tôn Quán Âm đại bi làm

đầu.

Quán Thế Âm phát nguyện rằng: Nguyện tôi đời sau thành Phật danh hiệu là Quán Thế Âm, nếu người nào xưng danh hiệu tôi ba lần mà tôi không đến cứu thì không được thân sắc mẫu nhiệm, người trì nguyện này là thanh tịnh, trang nghiêm, do ngài thực hành đạo Bồ-tát ở cõi này nên gọi là có duyên với ở đây.

Hỏi Trong văn kinh chép: mà vì đó nói pháp, đây là pháp gì?

Đáp: Nói pháp thì không nhất định, gồm có bốn loại:

1. Một thân nói một pháp môn.
2. Một thân nói tất cả pháp môn
3. Tất cả thân nói một pháp môn
4. Tất cả thân nói tất cả pháp môn.

Trong kinh Hoa Nghiêm thiện tri thức chỉ nói một pháp môn, nay ngài Quán Thế Âm hiện tất cả thân nói tất cả pháp môn.

“Người đáng dùng thân Phạm Vương”, đây là nói phương tiện hiện thân phàm phu, lại chia làm ba phần đó là trời, người và các loại. Trời gồm có ba cặp:

1. Hai vị trời đầu ở cõi Dục và cõi Sắc.
2. Hai vị trời sau cùng ở cõi Dục và cõi Sắc.
3. Hai vị thần ở cõi Dục và cõi Sắc.

Tuy có ba cặp mà không ngoài địa vị vua và bề tôi. Có người chép: Thiên đại tướng quân là lực sĩ cõi trời, như loại Kiên-Thất-Bà,

Na-la-diên.

Có người nói loại quỷ thân, như đại tướng Kim Quang Minh, Tán chỉ, đại tướng Tán chỉ thuộc Tỳ-sa-môn, ý này xuất xứ từ kinh Đại Tập.

Có người nói là trời Vi-đà, trời Tỳ Nữ. Trời Tỳ-sa-môn là thiên vương ở phương Bắc, Hán dịch là Đa Văn, thường hộ trì đạo tràng của Phật và thường nghe nói pháp nên gọi là Đa Văn.

“Người đáng dùng thân Tiểu Vương v.v...” đây là nói phương tiện hiện thân người, cũng chia hai phần:

1. Thị hiện thân vua

2. Thị hiện thân bề tôi

Trong phần bề tôi có bốn hạng:

1. Thị hiện thân tài giỏi

2. Thị hiện thân bốn chúng

3. Thị hiện thân phụ nữ

4. Thị hiện thân đồng chân.

Cư sĩ có hai hạng là cư sĩ ở nhà và cư sĩ có tiền tài, như trong văn kinh chép.

Bà-la-môn, Hán dịch là Ngoại ý, cũng dịch là Tịnh Hạnh. Kế đến là thị hiện thân tám bộ chúng.

Hỏi: Vì sao thọ thân rồng, v.v... mà không đắc đạo?

Đáp: Có bốn câu về thừa nhanh giới chậm

1. Thừa chậm giới gấp, sanh ở cõi trời không đắc đạo.

2. Thừa gấp giới chậm, sanh cõi quỷ, rồng mà được đắc đạo.

3. Thừa và giới đều gấp, sanh cõi trời, người, mà được đắc đạo.

4. Thừa và giới đều chậm, sanh ở các cõi không được đắc đạo

“Đáng dùng thân thần Kim cương”, đây là thị hiện thân phi phạm phi thánh. Đã là quỷ thân thuộc bốn cõi trời nên gọi là phi thánh, thật là Phật Lô Chí nên gọi là thân phi phạm. Lô Chí Hán dịch là Phật Đề Khốc, riêng trong nửa kiếp hiện độ chúng sanh.

“Vô Tận Ý v.v...”, đây là tổng kết khen ngợi

“Cho nên các ông phải một lòng cúng dường”, đây là nói phần khuyến cúng dường, gồm có sáu phần:

1. Khuyến khích cúng dường.

2. Vâng theo lời dạy.

3. Quán Âm không nhận vật cúng dường.

4. Ngài Vô Tận ý lại xin cầu.

5. Phật dạy Quán Âm nhận vật cúng dường.

6. Quán Âm nhận xong lại dâng lên hai Đức Thế tôn.

Hỏi: Vô Tận Ý là Bồ-tát xuất gia, vì sao có chuỗi ngọc anh lạc?

Đáp: Tuy là người xuất gia mà không câu chấp Tiểu thừa, cũng nói rằng đây là Bồ-tát tại gia. Kinh Niết-bàn chép: Nhập chỗ vô cúng, đây là Bồ-tát tại gia ở phương khác, vốn chẳng phải ở cõi Ta ba nên không đem đến cúng. Mà nói pháp thí, tức là bố thí đúng pháp, vì pháp mà bố thí, lại thông đạt tài và pháp chẳng hai.

Quán Âm không thọ nhận là có ba ý:

1. Muốn thí chủ sanh tâm ân cần tôn trọng.
2. Muốn nhường lên hai đức Thế tôn.
3. Chỉ bày hạnh ít muốn biết đủ.

Sau nói Quán Âm thọ nhận là trên để thuận ý chỉ của Phật, dưới thương xót tất cả chúng sanh.

Quán Âm chia vật cúng dường làm hai phần là muốn cho thí chủ được thêm phước đức. Nêu hai đức Thế tôn là chỉ bày sanh diệt bình đẳng không hai, đức Thích-ca hiện tại là trí, Phật Đa Bảo Niết-bàn là đoạn, nói trí và đoạn là ruộng phước. “Vô Tận Ý! Quán Thế Âm có sức thần như thế, trước nói về thí chủ và ruộng phước đã rồi, nay là tổng kết khen ngợi.

“Bấy giờ Bồ-tát Trì Địa”, đây là nói phần cùng khen ngợi, văn chia ba phần:

1. Nói người khen ngợi: Trì Địa tức là địa năng trì, nên gọi là Trì Địa, do vị này được Tam-muội nên lấy đó làm tên.
2. Phép tắc khen ngợi, tức từ chỗ ngồi đứng dậy.
3. Chánh khen ngợi, “tức đến trước Phật bạch rằng”, ngài Trì Địa ngồi cách xa Phật, nay đến gần trước Phật nên nói là trước Phật bạch rằng.

“Phẩm Bồ-tát Quán Thế Âm nghiệp tự tại”, tức trùng với tên ban đầu đã nêu, do ba nghiệp tự tại nên gọi là nghiệp tự tại.

“Phổ môn thị hiện sức thần thông”, tức trùng với đức của ba luân phổ môn.

“Phải biết công đức người này chẳng ít”, đây là chánh khen ngợi.

“Phật nói phẩm Phổ môn này rồi”, đây nói phần lợi ích, đầu tiên nói người được lợi ích.

“Đều phát tâm vô đẳng đẳng”, đây chính là nói được lợi ích. Phật đạo thì không gì so sánh bằng, chỉ có Phật và hột là ngang nhau nên gọi đạo này là vô đẳng đẳng, vì thế gọi Phật là vô đẳng đẳng. Lại nói

rằng: vô đẳng đẳng, Phật có hai nghĩa: dưới có chỗ khác, trên có chỗ bằng nhau, dưới có chỗ khác gọi là vô đẳng, trên có chỗ bằng nhau gọi là vô đẳng đẳng. Do Phật gọi là vô đẳng đẳng, nay phát tâm Phật nên nói rằng: phát tâm Vô đẳng đẳng.
